TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 13/01/2021
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH- TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình.

2. Bà Trần Thị Ý Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Hải Lĩnh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2021 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 432/2020/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2020/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Kim Tr, sinh năm 1972; *nơi đăng ký HKTT*: Tổ 6, thôn 5, xã K, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; *nơi cư trú*: Số 20/3F, tổ 11, ấp TĐ, xã TTT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1969; *nơi cư trú*: Tổ 6, thôn 5, xã K, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt chị Tr (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt lập ngày 28/10/2020), vắng mặt anh T (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt lập ngày 06/01/2021).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 8 năm 2020, đơn đề nghị xét xử vắng mặt lập ngày 28 tháng 10 năm 2020, các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến hành

hòa giải được, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim Tr trình bày: Chị và anh Đặng Văn T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1992, đến năm 2009 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn kéo dài. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T là người ham mê cờ bạc, thường hay uống rượu, không lo làm ăn, sống thiếu trách nhiệm với gia đình. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, chị và anh T không tìm được tiếng nói chung, không thể giải quyết được mâu thuẫn, vì vậy chị đã dẫn các con chung đi Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Nay nhận thấy không còn tình cảm với anh T, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 04 con chung tên là Đặng Đại Đ1, sinh năm 1994; Đặng Phước Đ2, sinh năm 1996; Đặng Quốc Đ3, sinh ngày 13/01/2009 và Đặng Nguyễn Phương Tr1, sinh ngày 16/4/2011. Hai con chung là Đại Đ1 và Phước Đ2 đã trên 18 tuổi, vì vậy chị không có yêu cầu gì về con. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục 02 con là Đặng Quốc Đ3 và Đặng Nguyễn Phương Tr1, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Các con chung hiện nay đang ở cùng với chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh T tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự, đơn đề nghị xét xử vắng mặt đều lập ngày 06 tháng 01 năm 2021, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Đặng Văn T trình bày: Về quá trình kết hôn và chung sống giống như chị Tr đã trình bày. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn gì nhiều, do vợ chồng thiếu nợ tiền bên ngoài nên chị Tr đã bỏ nhà đi và dẫn các con chung vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, anh và chị Tr đã sống ly thân khoảng 14 năm. Anh xác định không còn tình cảm yêu thương với chị Tr, vì vậy chị Tr yêu cầu được ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Tr có 04 con chung giống như chị Tr đã trình bày. Anh đồng ý giao 02 con chung là Đặng Quốc Đ3 và Đặng Nguyễn Phương Tr1 cho chị Tr nuôi dưỡng, giáo dục; anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Các con chung hiện nay đang ở với chị Tr.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng do bị đơn không đến Tòa án nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Việc tuân thủ pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật TTDS.

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật TTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật TTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim Tr và anh Đặng Văn T có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng là do hai bên không cùng quan điểm sống, anh T không quan tâm đến gia đình, thường xuyên bài bạc, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu. Nhận thấy, chị Tr không còn tình cảm yêu thương đối với anh T, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tr.

Về con chung: Chị Tr và anh T có 04 con chung tên là Đặng Đại Đ1, sinh năm 1994; Đặng Phước Đ2, sinh năm 1996; Đặng Quốc Đ3, sinh ngày 13/01/2009 và Đặng Nguyễn Phương Tr1, sinh ngày 16/4/2011. Hiện các con chung đang ở với chị Tr. Hai con chung là Đ1 và Đ2 đã trên 18 tuổi. Chị Tr yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con là cháu Đ3 và cháu Tr1, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hai cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ, anh T cũng thống nhất giao 02 cháu Đ3 và Tr1 cho chị Tr nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình để giao 02 cháu Đ3 và Tr1 cho chị Tr nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở để kết luận đây là quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và theo giấy chứng nhận kết hôn số 17, quyển số 01/2009 cấp ngày 26/02/2009 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Nhận thấy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kim Tr và anh Đặng Văn T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án, tuy nhiên anh T thừa nhận giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn về nợ nần tiền bên ngoài nên chị Tr dẫn các con chung đi Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, từ đó vợ chồng đã sống ly thân 14 năm, đồng thời anh T cũng xác nhận không còn tình cảm yêu thương với chị Tr. Anh T đồng ý ly hôn với chị Tr và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Xét thấy, anh T cũng không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này, không có nguyện vọng muốn Tòa án hòa giải cho anh chị được đoàn tụ, tiếp tục chung sống với nhau. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Tr là phù hợp pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị Tr và anh T khai thống nhất vợ chồng có 04 con chung tên là Đặng Đại Đ1, sinh năm 1994; Đặng Phước Đ2, sinh năm 1996; Đặng Quốc Đ3, sinh ngày 13/01/2009 và Đặng Nguyễn Phương Tr1, sinh ngày 16/4/2011. Con chung Đặng Đại Đ1 và Đặng Phước Đ2 đã trên 18 tuổi nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi dưỡng thì cần căn cứ vào nguyện vọng của con và quyền lợi về mọi mặt của các con. Cháu Quốc Đ3 và cháu Phương Tr1 hiện nay đang ở cùng với chị Tr, nguyện vọng của các cháu được ở cùng với mẹ, hơn nữa anh T cũng thống nhất giao 02 con chung cho chị Tr nuôi dưỡng, giáo dục. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của chị Tr là phù hợp với

quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Tr không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên không phải xem xét trong bản án này.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tr là người khởi kiện ly hôn nên chị phải chịu toàn bộ án phí DSST theo luật định, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

[2.5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim Tr ly hôn anh Đặng Văn T.

2/ Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Kim Tr được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con tên Đặng Quốc Đ3, sinh ngày 13/01/2009 và Đặng Nguyễn Phương Tr1, sinh ngày 16/4/2011. Anh Đặng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cháu Quốc Đ3 và cháu Phương Tr1 hiện nay đang ở cùng với chị Tr.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét.

4/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim Tr phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số

0004010 ngày 16/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị Tr đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (13/01/2021), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Đức Linh,
-Chi cục THA dân sự huyện Đức Linh,
-UBND xã K, Đ, Bình Thuận,
-Các đương sự,
-Lưu qđ, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Thuận